

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM L
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM L – TỈNH KH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích V
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Quang Thanh
2/ Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn
- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cam L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam L tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam L, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 02/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thiên T – Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn 2, xã Cam Hiệp B, huyện Cam L, tỉnh KH. (Có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn 2, xã Cam Hiệp B, huyện Cam L, tỉnh KH. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thiên T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp B, huyện Cam L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2009, ngày 28/4/2009.

Từ khi cưới nhau về, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng tính tình không hợp nhau dẫn đến hay cãi nhau. Bà T và ông T sống ly thân với nhau từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương U – sinh ngày 08/7/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 03/11/2020 tại Công an xã Cam Hiệp B, ông Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Cam Hiệp B, huyện Cam L, ông T hay đi đi về về thăm nhà tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam L, tỉnh KH tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Thiên T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Phương U – sinh ngày 08/7/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Trần Thị Thiên T và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam L theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Cam Hiệp B, huyện Cam L, tỉnh KH. Ông T tuy đi làm ăn xa nhưng vẫn đi đi về về thăm nhà tại địa phương, ông T biết bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Trần Thị Thiên T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp B, huyện Cam L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 01/2009, ngày 28/4/2009; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng tính tình không hợp nhau dẫn đến giữa bà T và ông T hay cãi nhau, có sự rạn nứt trong tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Bà T và ông T sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thiên T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương U – sinh ngày 08/7/2014. Hiện nay con chung đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn T không đến Tòa làm việc nên không thể hiện ý kiến đồng ý hay phản đối trước yêu cầu của bà T nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà T là có căn cứ hợp lý, phù hợp với thực tế, quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu U nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Thiên T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thiên T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Nguyễn Phương U – sinh ngày 08/7/2014 cho bà Trần Thị Thiên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Bà Trần Thị Thiên T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thiên T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008447 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam L. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND huyện Cam L;
- Chi cục THADS huyện Cam L;
- UBND xã Cam Hiệp B
(GCN kết hôn số 04 ngày 28/4/2009);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích V

